

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1896/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007- 2010;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2294/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của các Vụ, Tổng cục, Cục thuộc Bộ và Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Bộ trưởng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Công bố bổ sung, huỷ bỏ, sửa đổi các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải như Danh mục tại Phụ lục I, Phụ lục II của Quyết định này.

2. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính công bố bổ sung, sửa đổi quy định tại Phụ lục III của Quyết định này.

**Điều 2.**

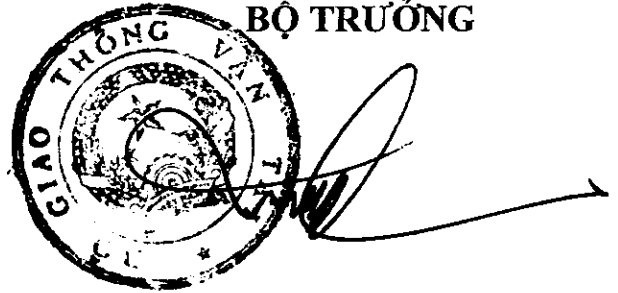
Giao Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ cập nhật thủ tục hành chính công bố bổ sung, sửa đổi, huỷ bỏ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 57/CCTTHC ngày 26 tháng 02 năm 2010.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /c

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổ công tác CCTHC của TTgCP;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Tổ công tác Đề án 30.



**Hồ Nghĩa Dũng**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 1896/QĐ-BGTVT ngày 6 tháng 7 năm 2010  
 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

<b>TT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	HK142	Cấp giấy phép, năng định cho nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng.	Hàng không	Cục Hàng không VN
2	HK143	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
3	HK144	Ban hành, phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng.	Hàng không	Cục Hàng không VN
4	HK145	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Hàng không	Cục Hàng không VN
5	ĐS 22	Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt VN
6	ĐS 23	Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	Đường sắt	Cục Đường sắt VN
7	ĐK 44	Cấp lại Sổ kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khi bị mất, hỏng, khi hết trang ghi; Bổ sung nội dung trong Sổ kiểm định	Đường bộ	Cục Đăng kiểm VN
8	ĐK 45	Chuyển vùng quản lý hồ sơ đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Đường bộ	Cục Đăng kiểm VN
9	ĐK 46	Cấp lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Cục Đăng kiểm VN
10	ĐB 80	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
11	ĐB 81	Xóa số đăng ký xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

12	ĐB 82	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Đường bộ	Tổng cục Đường bộ VN
13	ĐB 83	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
14	ĐB 84	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	Đường bộ	Tổng cục Đường bộ VN
15	ĐB 85	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	Đường bộ	Tổng cục Đường bộ VN
16	ĐB 86	Đổi phù hiệu “Xe hợp đồng”	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
17	ĐB 87	Đổi phù hiệu “Xe taxi”	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
18	ĐB 88	Đổi biển hiệu “Xe vận chuyển khách du lịch”	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
19	ĐB 89	Cấp phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định”	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
20	ĐB 90	Đổi phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định”	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
21	ĐB 91	Cấp Sổ nhật trình chạy xe cho xe vận chuyển khách theo tuyến cố định	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
22	ĐB 92	Đổi Sổ nhật trình chạy xe cho xe vận chuyển khách theo tuyến cố định	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
23	ĐT 84	Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Cục Đường thủy nội địa VN
24	HH 46	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ**  
**HUỶ BỎ, SỬA ĐỔI**

(Kèm theo Quyết định số 1896 /QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Số seri	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>I. Các thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia bị huỷ bỏ</b>				
1	Cấp Chứng chỉ an toàn cho các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt	B-BGT-036723-TT	Đường sắt	Cục Đường sắt VN
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu cho các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải	B-BGT-008257-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu cho các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải	B-BGT-008434-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị hỏng, bị mất do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý	B-BGT-008468-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tạm thời cho các đơn vị thuộc Bộ GTVT	B-BGT-008513-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
<b>II. Các thủ tục hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia được sửa đổi</b>				
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý	B-BGT-013312-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý	B-BGT-013527-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị hỏng, bị mất cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý	B-BGT-013838-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tạm thời cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý	B-BGT-013911-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
5	Cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá khổ, quá tải trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt	B-BGT-009484-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam
6	Cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá quá khổ, quá tải trên đường bộ trong phạm vi cả nước.	B-BGT-009528-TT	Đường bộ	Khu quản lý đường bộ
7	Cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá khổ, quá tải trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý.	B-BGT-015721-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
8	Cấp Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích tự hành trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt	B-BGT-009652-TT	Đường bộ	Cục Đường bộ VN
9	Cấp Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích tự hành trên đường bộ trong phạm vi cả nước.	B-BGT-009680-TT	Đường bộ	Khu quản lý đường bộ
10	Cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý.	B-BGT-015807-TT	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

## **Phụ lục III**

### **Phần I- NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG**

#### **[HK142]. Cấp Giấy phép, năng định cho nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng**

##### **1. Trình thực thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Văn phòng Cục Hàng không VN;
- Cục HKVN thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp giấy phép, năng định cho nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng.

##### **2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Văn phòng Cục Hàng không VN, hoặc
- Thông qua hệ thống bưu chính

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép, năng định nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng (Phụ lục);
- Bản sao công chứng chứng chỉ tốt nghiệp khóa đào tạo thiết kế phương thức PANS - OPS tại các cơ sở huấn luyện được Cục Hàng không Việt Nam công nhận;
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề;
- Hồ sơ chứng minh đã thực tập xây dựng 02 phương thức bay hàng không dân dụng và có 05 năm kinh nghiệm là nhân viên dẫn đường hàng không hoặc lái tàu bay, kiểm soát viên không lưu;
- Có 03 ảnh chân dung cỡ 3cm x 4 cm.

###### **b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)**

##### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

##### **5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, doanh nghiệp**

##### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục HKVN
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý hoạt động bay
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép, năng định nhân viên thiết kế phương thức bay HKDD.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

- Là công dân Việt Nam đủ 26 tuổi trở lên, có phẩm chất và đạo đức tốt;

- Không có tiền án hoặc đang chấp hành bản án hình sự hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có chứng chỉ tốt nghiệp khóa đào tạo thiết kế phương thức PANS - OPS tại các cơ sở huấn luyện được Cục Hàng không Việt Nam công nhận;

- Nhân viên dẫn đường hàng không hoặc lái tàu bay, kiểm soát viên không lưu có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm;

- Tham gia thực tập thiết kế tối thiểu 02 phương thức bay bằng thiết bị;

- Tự nguyện tham dự và đạt kết quả của kỳ kiểm tra để cấp giấy phép liên quan.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.

- Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phương thức bay hàng không dân dụng.



**MẪU ĐƠN**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP (NĂNG ĐỊNH) NHÂN VIÊN THIẾT KẾ**  
**PHƯƠNG THỨC BAY HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG**

Kính gửi : Cục Hàng không Việt Nam

Họ và tên (Viết chữ in):

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Tại .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Số chứng minh thư nhân dân .....Ngày cấp .....Nơi cấp.....

Đã tốt nghiệp (khóa học về PANS-OPS) .....

Tại .....Xếp loại(đạt hay không đạt).....

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật về phương thức bay HKDD, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

....., ngày      tháng      năm 200

Xác nhận của doanh nghiệp đề nghị

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**[HK143]. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Văn phòng Cục Hàng không VN;
- Cục Hàng không VN thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

**2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Văn phòng Cục Hàng không VN, hoặc
- Thông qua hệ thống bưu chính

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- Dự thảo sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

b) Số lượng hồ sơ: . 01(bộ)

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục HKVN
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý hoạt động bay
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định hành chính**

**8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có**

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không có**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.
- Quyết định số 94/2009/QĐ-TTg ngày 16/7/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không VN trực thuộc Bộ GTVT.
- Quyết định số 14/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không dân dụng;

- Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 6/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế thông báo tin tức hàng không;
- Quyết định số 32/2007/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế không lưu hàng không dân dụng;
- Thông tư số 19/2009/TT-BGTVT ngày 8/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khí tượng Hàng không dân dụng.

## **[HK144]. Ban hành, phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng**

### **1. Trình thực thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Văn phòng Cục Hàng không VN;
- Cục Hàng không VN thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và ban hành, phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Văn phòng Cục Hàng không VN, hoặc
- Thông qua hệ thống bưu chính

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Đơn đề nghị ban hành, phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng.
- Thống kê chương ngại vật trong khu vực có bán kính 55 km tính từ thiết bị dẫn đường sử dụng để xây dựng phương thức.

- Các dữ liệu về sân bay và thiết bị dẫn đường.

- Các sơ đồ:

+ Sơ đồ xác định độ cao an toàn tối thiểu trong các phân khu, chi tiết khu vực các giai đoạn của phương thức bay thể hiện trên bản đồ địa hình hàng không tỷ lệ 1:250.000;

+ Sơ đồ chi tiết giai đoạn tiếp cận chót, tiếp cận hụt của phương thức tiếp cận thể hiện trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1:100.000.

- Đối với phương thức tiếp cận chính xác, ngoài các sơ đồ quy định tại khoản 3 Điều 9, Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10/11/2009, phải bổ sung:

+ Sơ đồ chi tiết giai đoạn tiếp cận chót, tiếp cận hụt thể hiện trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1:100.000 hoặc 1:50.000;

+ Thống kê, đánh giá các chương ngại vật trong giai đoạn tiếp cận chính xác theo mặt phẳng nhận dạng chương ngại vật (OIS), mô hình đánh giá rủi ro (CRM) và các mặt phẳng cơ bản của phương thức ILS (basic ILS).

- Sơ đồ toàn bộ phương thức bay theo tỷ lệ 1:250.000.

- Các tham số được sử dụng để tính toán và các bước tính toán trong quá trình xây dựng phương thức bay.

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và thông báo tin tức hàng không (hoặc văn bản xin ý kiến các cơ sở này trong trường hợp không có văn bản trả lời).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

### **4. Thời hạn giải quyết:**

- 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý hoạt động bay

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định hành chính.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị ban hành, phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

- Hồ sơ xây dựng phương thức bay phải do tối thiểu là 02 nhân viên thiết kế phương thức bay xây dựng.

- Phương thức bay đề nghị ban hành đã được tiến hành bay hiệu chuẩn

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.

- Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phương thức bay hàng không dân dụng.

**MẪU ĐƠN**

**ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG THỨC BAY HKDD**

**TÊN CỦA DOANH NGHIỆP                      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ĐỀ NGHỊ**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

*Hà Nội, ngày tháng năm 200..*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Ban hành (hoặc sửa đổi, bổ sung) phương thức bay Hàng không dân dụng**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Thông tư số: 28/2009/TT-BGTVT ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT về phương thức bay hàng không dân dụng;

*(Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép khai thác) địa chỉ: .....*

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam ban hành (hoặc sửa đổi, bổ sung) phương thức bay HKDD sử dụng thiết bị (ILS, VOR/DME, NDB)

1. Phương thức bay sử dụng thiết bị:
3. Khu vực (*triển khai phương thức bay*):
5. Chế độ sử dụng (*24/24h/ban ngày/theo yêu cầu*):
6. Ngày đưa vào khai thác:
7. Các giới hạn khai thác (*nếu có*):

Các tài liệu kèm theo:

Hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phương thức bay hàng không dân dụng.

*(Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép khai thác) sẽ thực hiện đầy đủ các quy định, hướng dẫn liên quan và nộp lệ phí theo quy định.*

**THỦ TRƯỞNG**

**DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

**Nơi nhận:**

- Phòng QLHĐB Cục;
- .....
- Lưu VT, cơ quan soạn thảo.(..b)

*(Ký tên, đóng dấu)*

**[HK145]. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức nộp hồ sơ đến Văn phòng Cục Hàng không VN;
- Cục Hàng không VN kiểm tra hồ sơ, thẩm định phạm vi của hợp đồng đại diện được ký giữa hãng hàng không nước ngoài và pháp nhân Việt Nam để làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Văn phòng Cục HKVN, hoặc
- Thông qua hệ thống bưu chính

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị Đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam;
- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện;
- Thoả thuận về việc uỷ quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam;

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức**

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Vận tải hàng không

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận**

**8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có**

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không có**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.
- Thông tư số: 26/2009/TT-BGTVT ngày 28/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

**Mẫu số 02**

**TIÊU ĐỀ**

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO  
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh): .....

Tên công ty viết tắt (nếu có): .....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số: .....

Do: ..... cấp ngày tháng ... năm ..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính: .....

Vốn điều lệ : .....

Số tài khoản: ..... Tại Ngân hàng: .....

Điện thoại:..... Fax: ....., Email: ..... Website (nếu có) .....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Quốc tịch: .....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

**Giữa**

Tên Công ty .....



Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số: ..... ngày .....tháng.....năm.....

do ..... cấp với ngành nghề .....

**Và**

Tên hãng hàng không .....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có): .....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Quốc tịch: .....

**Chúng tôi cam kết:**

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và phạm vi hoạt động đại diện được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty**

*(ghi rõ chức danh cụ thể)*

*ký tên, đóng dấu*

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

- Bản sao công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện.
- Bản sao hợp đồng chỉ định đại diện tại Việt Nam.
- Biên lai nộp lệ phí.

## **[ĐS 22]. Cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt**

### **1. Trình tự thực hiện:**

+ Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt làm hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ an toàn gửi Cục Đường sắt VN.

+ Cục Đường sắt VN thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ và cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Văn phòng Cục Đường sắt VN.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ an toàn;

- Báo cáo thuyết minh các điều kiện được cấp chứng chỉ an toàn.

b) Số lượng hồ sơ:           01           (bộ)

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường sắt VN

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Vận tải pháp chế - Cục Đường sắt VN

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

### **9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

+ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ an toàn.

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật

a) Phương tiện giao thông đường sắt của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp đi thuê phải phù hợp với kết cấu hạ tầng đường sắt và có đủ giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực

b) Bố trí được phòng bán vé, phòng đợi tàu, ke khách, ke hàng, bãi hàng và các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn để phục vụ công tác vận chuyển hành khách, hàng hoá, hành lý, bao gửi.

## 2. Về nhân lực

a) Phải có một lãnh đạo doanh nghiệp phụ trách công tác an toàn có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm quản lý về vận tải đường sắt

b) Các nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải có bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh, có đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định của pháp luật về lao động và được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định

## 3. Về tổ chức vận tải

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt phải có các phương án sau đây:

a) Phương án tổ chức chạy tàu với hành trình chạy tàu đã đăng ký, bảo đảm đúng biểu đồ chạy tàu đã công bố;

b) Phương án sắp xếp bố trí nhân lực phục vụ trên tàu khách, tàu hàng, nhân lực ở ga phù hợp với đặc điểm của đoàn tàu và của ga;

c) Phương án đảm bảo an toàn chạy tàu

d) Phương án cứu viện, cứu nạn khi có tai nạn, sự cố.

## 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

+ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt

+ Quyết định số 61/2007/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự thủ tục cấp chứng chỉ an toàn.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp  
chứng chỉ.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

## **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ AN TOÀN**

Kính gửi : Cục Đường sắt Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 61/2007/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ an toàn”.

Sau khi xem xét các điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, chúng tôi thấy có đủ điều kiện để được cấp Chứng chỉ an toàn theo quy định.

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp (tên doanh nghiệp).

Xin gửi kèm theo toàn bộ các bản báo cáo thuyết minh có liên quan đến các điều kiện để được cấp chứng chỉ an toàn theo “Quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ an toàn” ban hành kèm theo Quyết định số 61/2007/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Chúng tôi xin cam đoan về tính xác thực của các tài liệu gửi kèm theo và chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Trân trọng cảm ơn !

**THỦ TRƯỞNG DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**[ĐS 23]. Cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh  
kết cấu hạ tầng đường sắt**

**1. Trình tự thực hiện:**

+ Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt làm hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ an toàn gửi Cục Đường sắt VN.

+ Cục Đường sắt VN thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ và cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Văn phòng Cục Đường sắt VN.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ an toàn;

- Báo cáo thuyết minh các điều kiện được cấp chứng chỉ an toàn.

b) Số lượng hồ sơ:            01            (bộ)

**4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường sắt VN

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Vận tải pháp chế - Cục Đường sắt VN

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

+ Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ an toàn .

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật

a) Kết cấu hạ tầng đường sắt phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật đã công bố, bảo đảm chạy tàu an toàn, đúng công lệnh tốc độ và công lệnh trọng tải theo quy định.

b) Các phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt phục vụ công tác duy tu, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp đi thuê phải phù hợp với kết cấu hạ tầng đường sắt và có đủ giấy chứng nhận đăng ký

phương tiện giao thông đường sắt, giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## 2. Về nhân lực

a) Phải có một lãnh đạo doanh nghiệp phụ trách công tác an toàn, có trình độ đại học về chuyên ngành công trình đường sắt và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm quản lý trực tiếp về kết cấu hạ tầng đường sắt

b) Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải có bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh. Riêng đối với chức danh lái phương tiện chuyên dụng đường sắt phải có giấy phép lái phương tiện chuyên dụng đường sắt.

## 3. Về tổ chức quản lý, duy tu, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

a) Có phương án bố trí nhân lực tuần cầu, tuần hầm, gác hầm, gác đường ngang và duy tu, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và đặc điểm của kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp hiện đang quản lý

b) Có Kế hoạch, quy trình quản lý, duy tu, sửa chữa và bảo trì chất lượng kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt

c) Có đầy đủ hồ sơ quản lý kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt đúng quy định

d) Có đầy đủ biên bản nghiệm thu chất lượng kỹ thuật của kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.

e) Có các phương án cứu viện, cứu nạn khi xảy ra tai nạn, sự cố

## 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

+ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt

+ Quyết định số 61/2007/QĐ - BGTVT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự thủ tục cấp chứng chỉ an toàn.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp  
chứng chỉ.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

## **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ AN TOÀN**

**Kính gửi : Cục Đường sắt Việt Nam**

Căn cứ Quyết định số: 61/2007/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ an toàn”.

Sau khi xem xét các điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, chúng tôi thấy có đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ an toàn theo quy định.

Đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam cấp Chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp (tên doanh nghiệp).

Xin gửi kèm theo toàn bộ các bản báo cáo thuyết minh có liên quan đến các điều kiện để được cấp Chứng chỉ an toàn theo “Quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ an toàn” ban hành kèm theo Quyết định số 61/2007/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Chúng tôi xin cam đoan về tính xác thực của các tài liệu gửi kèm theo và chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Trân trọng cảm ơn !

**THỦ TRƯỞNG DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**[ĐK 44]. Cấp lại Sổ kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khi bị mất, hỏng, hết trang ghi; bổ sung nội dung trong Sổ kiểm định**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân đưa phương tiện và xuất trình hồ sơ kiểm định đến Trung tâm Đăng kiểm đang quản lý Sổ. Trường hợp mất Sổ kiểm định thì có đơn báo mất có xác nhận của Cơ quan công an. Trường hợp hỏng Sổ kiểm định thì có bản giải trình lý do hỏng của chủ phương tiện

- Trung tâm Đăng kiểm đang quản lý Sổ kiểm tra phương tiện nếu phương tiện đạt tiêu chuẩn thì cấp lại Sổ kiểm định đối với trường hợp Sổ hết trang ghi hoặc bổ sung nội dung trong Sổ kiểm định. Trường hợp Sổ mất, hỏng, Trung tâm đang quản lý Sổ xác minh và cấp lại Sổ sau 30 ngày nếu không có phản ánh hoặc khiếu kiện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại các Trung tâm Đăng kiểm .

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính);
- Sổ chứng nhận kiểm định (nếu Sổ hết trang ghi hoặc Sổ hỏng hoặc bổ sung nội dung trong Sổ) (bản chính);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải (nếu phương tiện kinh doanh vận tải) (bản chính);
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới kiểm định sau khi cải tạo) (bản chính);
- Đơn báo mất có xác nhận của Cơ quan công an đối với trường hợp mất Sổ;
- Có bản giải trình lý do hỏng của chủ phương tiện đối với trường hợp Sổ hỏng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

### **4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong ngày làm việc đối với trường hợp bổ sung nội dung trong Sổ hoặc cấp lại Sổ khi hết trang ghi.

- Sau 30 ngày đối với trường hợp mất hoặc hỏng Sổ.

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Cá nhân;
- Tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm;



c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Trung tâm đăng kiểm;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Sổ kiểm định;

**8. Phí, lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Theo quy định tại Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT 6/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành “Quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ”;

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 6/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành “Quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ”;

- Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ GTVT về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

## **[ĐK 45]. Chuyển vùng quản lý hồ sơ đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân xuất trình hồ sơ tại Trung tâm đang quản lý Sổ kiểm định để làm thủ tục chuyển Hồ sơ phương tiện về một trong số các Trung tâm đăng kiểm tại địa phương đăng ký biển số mới để quản lý kiểm định.
- Trung tâm Đăng kiểm đang quản lý Sổ kiểm định kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ thì làm thủ tục niêm phong Hồ sơ phương tiện và bàn giao cho chủ phương tiện chuyển về một trong số các Trung tâm đăng kiểm tại địa phương đăng ký biển số mới để quản lý kiểm định.
- Trung tâm Đăng kiểm tại địa phương đăng ký biển số mới kiểm tra hồ sơ và phương tiện, nếu tình trạng thực tế phù hợp với hồ sơ và phương tiện đạt tiêu chuẩn thì quản lý phương tiện theo quy định.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại các Trung tâm Đăng kiểm .

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đăng ký biển số mới hoặc Giấy di chuyển phương tiện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính);
- Sổ Kiểm định (bản chính);
- Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc bằng lái xe của chủ phương tiện hoặc lái xe.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong ngày làm việc.

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Cá nhân;
- Tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Trung tâm đăng kiểm ;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

### **7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Chuyển vùng quản lý Hồ sơ phương tiện;

### **8. Phí, lệ phí: Không**

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Theo Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT 6/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành “Quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ”;

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 6/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành “Quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ”;
- Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

**[ĐK 46]. Cấp lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATKTK và BVMT PTTNĐ tại Phòng, Ban, Trung tâm Đăng kiểm thuộc Sở GTVT hoặc Chi cục trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Phòng, Ban, Trung tâm Đăng kiểm thuộc Sở GTVT hoặc Chi cục Đăng kiểm kiểm tra xác minh và cấp lại giấy chứng nhận.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Qua hệ thống Bru chính; hoặc;
- Trực tiếp tại trụ sở Phòng, Ban, Trung tâm Đăng kiểm thuộc Sở GTVT hoặc Chi cục Đăng kiểm.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATKTK và BVMT PTTNĐ (bản chính);
- Giấy xác nhận của Cục Cảnh sát GTĐT (bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong vòng 01 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Cá nhân;
- Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Phòng, Ban, Trung tâm Đăng kiểm thuộc Sở GTVT hoặc Giám đốc Chi cục Đăng kiểm;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng, Ban, Trung tâm Đăng kiểm thuộc Sở GTVT hoặc Chi cục Đăng kiểm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận;
- Sổ kiểm tra kỹ thuật PTTNĐ.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 20.000 VNĐ/ 01 Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

## **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông Đường thủy nội địa 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004;
- Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;
- Quyết định 11/2003/QĐ-BTC ngày 24/01/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành mức thu phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 102/2008/TT-BTC ngày 11/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải.

## **[ĐB 80].Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

- Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (bản chính);
- Tờ khai Hải quan đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc Phiếu kiểm tra xuất xưởng đối với xe máy chuyên dùng sản xuất lắp ráp trong nước (bản chính);
- Hoá đơn tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn và biển số.

### **8. Phí và lệ phí:**

- Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 150.000 đ/lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra.

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 24/2009/TT - BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:.....  
Giấy phép đầu tư số.....  
Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....  
Trụ sở giao dịch.....  
Loại xe máy chuyên dùng.....Màu sơn.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu).....Công suất.....  
Nước sản xuất.....Năm sản xuất.....  
Số động cơ.....Số khung.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao) .....Trọng lượng.....

*(Dán trà số động cơ)*

*(Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					
4					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

.....ngày tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)



**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

**Biển số đề nghị cấp:** .....

**Giấy chứng nhận có giá trị đến:**.....

Cán bộ làm thủ tục  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT  
(Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;.
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

## **[ĐB 81]. Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.
- Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng.

### **2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính);

#### **b) Số lượng hồ sơ:** 03 bộ.

### **4. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp: không có.

### **7. Kết quả thủ tục hành chính:** Sở GTVT ký xác nhận vào tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng.

### **8. Phí và lệ phí:**

- Không quy định nộp lệ phí.

### **9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng.

### **10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra.

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 24/2009/TT - BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu.....  
Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....  
Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....  
Địa chỉ thường trú.....  
Họ và tên đồng chủ sở hữu:.....  
Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....  
Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....  
Loại xe máy chuyên dùng.....Màu sơn.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu)..... Công suất.....  
Nước sản xuất..... Năm sản xuất.....  
Số động cơ.....Số khung.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao).....Trọng lượng.....

Hiện đã có Giấy Chứng nhận đăng ký, biển số là:

Do Sở GTVT.....Cấp ngày      tháng      năm

Lý do xin xoá sổ:

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng khai  
trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị  
(ký tên, đóng dấu)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

**Biên số cấp:** .....Ngày cấp.../.../.....

Số đăng ký quản lý.....Xoá số ngày.....tháng.....năm.....

Đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số ngày.....tháng.....năm.....

Hồ sơ lưu và quản lý tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT  
(Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

- *Tờ khai được lập thành 03 bản:*

+ *Chủ sở hữu 02 bản;*

+ *Lưu hồ sơ tại Sở GTVT 01 b ản.*

## [ĐB 82]. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

### 1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải
- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, làm thủ tục trình Tổng Cục Đường bộ Việt Nam.
- Tổng Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo.

### 2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải

### 3. Thành phần hồ sơ:

#### a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo (bản chính);
- Văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải (bản chính);
- Báo cáo đề nghị cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo (bản chính);
- Hồ sơ giáo viên;
- Hồ sơ xe dạy thực hành;
- Biên bản kiểm tra xét cấp Giấy phép đào tạo lái xe của Sở Giao thông vận tải.

#### b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

**4. Thời gian giải quyết:** Sau 10 ngày kể từ ngày tiến hành xong các thủ tục kiểm tra.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### 6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng Cục Đường bộ Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Vụ Quản lý phương tiện và người lái thuộc Tổng Cục Đường bộ Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**8. Phí và lệ phí :** Không

**9. Tên mẫu đơn:** Không có.

### 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Thông tư số 07/2009/TT - BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX.

## **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 07/2009/TT - BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

## **[ĐB 83]. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe hạng A1, A2, A3, A4**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.
- Sở Giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp giấy phép.

### **2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Báo cáo đề nghị cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe (bản chính);
- Hồ sơ giáo viên;
- Hồ sơ xe dạy thực hành;
- Biên bản kiểm tra xét cấp Giấy phép đào tạo lái xe của Sở Giao thông vận tải.

#### **b) Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ).

### **4. Thời gian giải quyết:** Sau 10 ngày kể từ ngày tiến hành xong các thủ tục kiểm tra.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở GTVT
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải phương tiện và người lái, Sở Giao thông vận tải.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

### **7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe Hạng A1, A2, A3, A4.

### **8. Phí và lệ phí :** Không

### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 07/2009/TT - BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX.

**[ ĐB 84]. Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2  
đủ điều kiện hoạt động**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.
- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, làm thủ tục trình Tổng Cục Đường bộ Việt Nam.
- Tổng Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**3. Thành phần , số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải gửi Tổng Cục Đường bộ Việt Nam xem xét cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 03bộ.

**4. Thời gian giải quyết:** Sau 10 ngày kể từ ngày tiến hành xong các thủ tục kiểm tra.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng Cục Đường bộ Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Vụ Quản lý phương tiện và người lái thuộc Tổng Cục Đường bộ Việt Nam
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động.

**8. Phí và lệ phí :** Không

**9. Tên mẫu đơn:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 07/2009/TT - BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX.



**[ĐB 85]. Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3  
đủ điều kiện hoạt động**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải
- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của Trung tâm sát hạch đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).

**4. Thời gian giải quyết:**

- Không quá 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị kiểm tra của Trung tâm sát hạch

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**8. Phí và lệ phí :** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 07/2009/TT-BGTVT ngày 19/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX;

## **[ĐB 86]. Đối phù hiệu “Xe hợp đồng”**

### **1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở Giao thông vận tải;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ký Phù hiệu

### **2. Cách thức thực hiện :**

Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký sở hữu xe ô tô khách hoặc hợp đồng thuê xe của những xe trong danh sách xin cấp phù hiệu
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách xin cấp phù hiệu

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức, cá nhân.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

#### **a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở GTVT;**

#### **b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;**

#### **c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;**

#### **d) Cơ quan phối hợp: Không.**

### **7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Phù hiệu “xe hợp đồng”

### **8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định của Bộ Tài chính**

### **9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC: Không**

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không**

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ GTVT ban hành quy định vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng và vận tải khách du lịch bằng ô tô.

## **[ĐB 87]. Đổi phù hiệu “Xe taxi”**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở GTVT;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ký Phù hiệu.

### **2. Cách thức thực hiện :**

Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Bản phô tô giấy đăng ký phương tiện của những xe có trong danh sách đăng ký cấp phù hiệu xe taxi lần đầu cần được đổi ( Trường hợp đối với những phương tiện ngừng hoạt động taxi phải được doanh nghiệp báo cáo rõ để cơ quan quản lý thu hồi phù hiệu)
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải taxi**

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở GTVT;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

### **7. Kết quả thực hiện TTHC: Phù hiệu “xe taxi”**

### **8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định của Bộ Tài chính**

### **9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC: Không**

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không**

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 17/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ GTVT về việc ban hành quy định về vận tải khách bằng taxi

## [ĐB 88]. Đổi biển hiệu “xe vận chuyển khách du lịch”

### 1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở GTVT;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ký biển hiệu.

### 2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

#### a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản photo giấy chứng nhận đăng ký sở hữu xe ô tô khách hoặc hợp đồng thuê xe của những xe trong danh sách
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách đăng ký

#### b). Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

### 4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

### 5. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vận tải du lịch

### 6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

### 7. Kết quả thực hiện TTHC: Biển hiệu “xe vận chuyển khách du lịch”

### 8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định của Bộ Tài chính

### 9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC: Không

### 10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không

### 11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ GTVT ban hành quy định vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng và vận tải khách du lịch bằng ô tô.

## **[ĐB 89]. Cấp phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định”**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở GTVT;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ký Phù hiệu.

### **2. Cách thức thực hiện :**

Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Bản phôtô chấp thuận tuyến của cơ quan quản lý tuyến ( có đóng dấu đỏ xác nhận).
- Bản phôtô giấy chứng nhận đăng ký sở hữu xe ô tô chạy tuyến cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định.
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách đăng ký chạy tuyến cố định

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

### **7. Kết quả thực hiện TTHC: Phù hiệu xe chạy tuyến cố định**

### **8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định của Bộ Tài chính**

### **9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC: Không**

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không**

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ GTVT ban hành quy định vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng và vận tải khách du lịch bằng ô tô.

## **[ĐB 90]. Đơn phù hiệu “ Xe chạy tuyến cố định ”**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở GTVT;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ký Phù hiệu.

### **2. Cách thức thực hiện :**

Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký sở hữu xe ô tô chạy tuyến cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định.
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách đăng ký chạy tuyến cố định

#### **b). Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

### **7. Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe chạy tuyến cố định

### **8. Phí, lệ phí (nếu có):** Theo quy định của Bộ Tài chính

### **9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC:** Không

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

### **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng và vận tải khách du lịch bằng ô tô.

**[ĐB 91]. Cấp Sổ nhật trình chạy xe cho xe vận chuyển khách  
theo tuyến cố định**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở GTVT;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền cấp Sổ nhật trình chạy xe.

**2. Cách thức thực hiện :**

Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản photo chấp thuận khai thác tuyến của cơ quan quản lý tuyến ( có đóng dấu đỏ xác nhận).
- Bản photo giấy chứng nhận đăng ký sở hữu xe ô tô chạy tuyến cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định.
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách đăng ký chạy tuyến cố định

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Sổ nhật trình chạy xe

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Theo quy định của Bộ Tài chính

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC:** Không

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

## **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng và vận tải khách du lịch bằng ô tô.



**[ĐB 92]. Đổi Sổ nhật trình chạy xe cho xe vận chuyển khách  
theo tuyến cố định**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại văn phòng Sở GTVT;
- Phòng Vận tải Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền cấp Sổ nhật trình chạy xe.

**2. Cách thức thực hiện :**

Trực tiếp tại Sở GTVT hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký sở hữu xe ô tô chạy tuyến cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định.
- Bản photo “ Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” của những xe ô tô trong danh sách đăng ký chạy tuyến cố định
- Sổ nhật trình chạy xe đã hết hạn sử dụng

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải tuyến cố định

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải - Sở GTVT;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Sổ nhật trình chạy xe

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Theo quy định của Bộ Tài chính

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai HC:** Không

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC ::**

- Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10;
- Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ GTVT ban hành quy định vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, hợp đồng và vận tải khách du lịch bằng ô tô.

**[ĐT 84]. Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân có phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát gửi hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đối với trường hợp chạy khảo sát qua biên giới hoặc Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực đối với các trường hợp khác.

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực xem xét đối chiếu với quy định để có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa hoặc giấy tờ có liên quan đến cầm cố, thế chấp theo quy định pháp luật; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện thủy nội địa còn giá trị sử dụng và phù hợp với tuyến đường thủy nội địa mà phương tiện dự kiến đưa vào khai thác;

+ Danh bạ thuyền viên, bằng chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng, máy trưởng phù hợp với phương tiện và tuyến đường thủy nội địa mà phương tiện hoạt động;

- Các giấy tờ phải nộp:

+ Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cho phương tiện chạy khảo sát với các nội dung: tuyến vận tải, tên cảng, bến đón trả hành khách, thời gian lịch chạy khảo sát.

+ Ý kiến của Sở Giao thông vận tải có liên quan đến tuyến vận tải; ý kiến của tổ chức quản lý cảng, bến thủy nội địa đón trả hành khách.

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam .

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực đối với trường hợp chạy khảo sát không qua biên giới.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Pháp chế thuộc Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Phòng Pháp chế vận tải và An toàn giao thông thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông Đường thủy nội địa năm 2004;

- Quyết định số 34/2004/QĐ - BGTVT ngày 21/12/2004 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định vận tải hành khách đường thủy nội địa;

- Quyết định số 08/QĐ - CĐTND ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam.

- Quyết định số 156/QĐ - ĐTNĐ ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi Cục Đường thủy nội địa phía Bắc .

## [HH 46]. Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải

### 1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải gửi Bộ Giao thông vận tải ;

- Vụ Kế hoạch đầu tư tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ thì gửi xin ý kiến Bộ Quốc phòng;

- Nếu Bộ Quốc phòng đồng ý, trình Lãnh đạo Bộ GTVT cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải. Nếu Bộ Quốc phòng không đồng ý thì trả lời cho tổ chức, cá nhân đề nghị bằng văn bản.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Văn phòng Bộ Giao thông vận tải.

### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị nhập khẩu các loại pháo hiệu cho an toàn hàng hải, trong đó ghi rõ chủng loại, số lượng, nước sản xuất, quy cách sản phẩm, đặc điểm và công dụng, ký mã hiệu, thời hạn sử dụng của từng loại, thời hạn nhập khẩu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất xác nhận việc pháo hiệu dùng cho an toàn hàng hải đã được thử nghiệm phù hợp với các quy định của Nghị quyết MSC.81(70) ngày 11/12/1998 của Tổ chức Hàng hải quốc tế;

- Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thực hiện Giấy phép nhập khẩu của năm trước đó và bản theo dõi Giấy phép nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

### 4. Thời hạn giải quyết:

- Bộ GTVT kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ và hợp lệ thì gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ GTVT, Bộ Quốc phòng (hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng ủy quyền) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, nếu Bộ Quốc phòng đồng ý, Bộ GTVT cấp giấy phép theo mẫu quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

### 6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Vụ Kế hoạch đầu tư - Bộ GTVT

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

**8. Phí, lệ phí:** không có

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải phải có chức năng sản xuất, kinh doanh phương tiện, vật tư, thiết bị ngành hàng hải và đóng tàu.

- Các loại pháo hiệu cho an toàn hàng hải phải có tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 20/2006/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2006 của Bộ GTVT Quy định điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

- Quyết định số 20/2006/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2006 của Bộ GTVT Quy định điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu cho an toàn hàng hải.

## **Phần II - NỘI DUNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI**

### **1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở Giao thông vận tải quản lý (B-BGT- 013312-TT)**

**Đổi tên TTHC là “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu”**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

- Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính);
- Tờ khai Hải quan đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc Phiếu kiểm tra xuất xưởng đối với xe máy chuyên dùng sản xuất lắp ráp trong nước (bản chính);
- Hoá đơn tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

#### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

#### **8. Phí và lệ phí:**

- Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 150.000 đ/lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 24/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tham giao giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ  
chiếu:.....  
Ngày cấp:.....Nơi  
cấp:.....  
Địa chỉ thường  
trú:.....  
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
Ngày cấp:.....Nơi  
cấp:.....  
Địa chỉ thường  
trú:.....  
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu  
sơn:.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:  
.....  
Nước sản xuất:.....Năm sản  
suất:.....  
Số động cơ:.....Số  
khung:.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao): .....Trọng  
lượng:.....

*(Dán trả số động cơ)*

*\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

*(Dán trả số khung)*

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					
4					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....  
Người khai ký tên

**Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:**

- Đăng ký lần đầu  - Mất chứng từ gốc   
- Số biển số cũ: (nếu có):.....**Biển số đề nghị cấp:**

.....  
Cán bộ làm thủ tục  
GTVT  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
dấu)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở  
(Ký tên, đóng)

**\*Ghi chú:**

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.



## **2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý (B-BGT-013527-TT)**

**Đổi tên TTHC là “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu”**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ phương tiện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Trường hợp cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính);

- Hoá đơn tài chính, hoặc hợp đồng mua bán hoặc Giấy mua bán, cho tặng xe máy chuyên dùng (bản chính);

b) Trường hợp khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính);

- Hoá đơn tài chính, hoặc hợp đồng mua bán hoặc Giấy mua bán, cho tặng xe máy chuyên dùng (bản chính);

- Hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký lần đầu (hồ sơ gốc);

- Phiếu di chuyển xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng phải làm thủ tục di chuyển).

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

- Lệ phí cấp đăng ký: 150.000 đ/lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 24/2009/TT - BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

**3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị hỏng, bị mất cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý (B-BGT- 013838-TT)**

**Đổi tên TTHC là “Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị hỏng, bị mất”**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ phương tiện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính);
- Bản khai bị mất có xác nhận của cơ quan công an (bản chính);
- Giấy cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải
- d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

- Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 150.000 đ/lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng.
- Tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra.

## 11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 24/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

### Mẫu Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng

Tên Sở GTVT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - tự do - Hạnh phúc**

---

### **TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở

hữu:.....

Địa chỉ thường

trú:.....

Số CMND hoặc số hộ

chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi

cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu

sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất

.....

Nước sản xuất:.....Năm sản

xuất.....

Số động cơ:.....Số

khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng

lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên

dùng:.....

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc  hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....

+.....

+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện  
( ký, ghi rõ họ tên)

**\* Ghi chú:**

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tạm thời cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở GTVT quản lý (B-BGT-013911-TT)**

**Đổi tên TTHC là “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tạm thời”**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (bản chính);
- Tờ khai Hải quan hoặc hoá đơn tài chính hoặc phiếu xuất xưởng;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Cấp ngay trong ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Không.

**7. Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

- Lệ cấp đăng ký tạm thời: 50.000 đ/lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh thư hoặc hộ chiếu để kiểm tra.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 24/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ  
chiếu.....  
Ngày cấp:.....Nơi  
cấp.....  
Địa chỉ thường  
trú:.....  
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ  
chiếu.....  
Ngày cấp:.....Nơi  
cấp.....  
Địa chỉ thường  
trú:.....  
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu  
sơn.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất  
.....  
Nước sản xuất:.....Năm sản  
xuất.....  
Số động cơ:.....Số  
khung.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng  
lượng.....  
Giấy tờ kèm theo, gồm có:  
+.....  
...  
+.....  
...  
+.....  
...  
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
....., ngày.....tháng..... năm.....  
Người khai ký

**Phần ghi của Sổ Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục  
GTVT  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
dấu)

Trưởng phòng duyệt  
  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở  
  
(Ký tên, đóng)

- \* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;
  - Lưu Sổ Giao thông vận tải 01 bản.



## **5. Cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá khổ, quá tải trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt (B-BGT-009484-TT)**

**Đổi tên TTHC là “Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt”**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Đường Việt Nam.
- Vụ Kết cấu Hạ tầng và An toàn giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt và trình ký cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Hồ sơ bao gồm:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (bản chính);
- Giấy đăng ký hoặc Giấy đăng ký tạm thời (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định lần gần nhất của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe được nhà sản xuất gửi kèm theo (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.**

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Vụ Kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

### **7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lưu hành.**

## **8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp Giấy phép: 30.000đ/ lần cấp.

## **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai HC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt

## **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.**

## **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ, ngày 13 tháng 11 năm 2008
- Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ”.
- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

## **6. Cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá quá khổ, quá tải trên đường bộ trong phạm vi cả nước(B-BGT-009528-TT)**

**Đôi tên TTHC là “Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ trong phạm vi cả nước”**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Khu Quản lý đường bộ.
- Phòng Giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt và trình ký cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường trong phạm vi cả nước.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp tại Khu Quản lý đường bộ hoặc gửi qua đường bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Hồ sơ bao gồm:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (bản chính);
- Giấy đăng ký hoặc Giấy đăng ký tạm thời (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định lần gần nhất của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe được nhà sản xuất gửi kèm theo (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.**

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý Giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lưu hành.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp Giấy phép: 30.000đ/ lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai HC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ, ngày 13 tháng 11 năm 2008

- Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ”.

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

## **7. Cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá khổ, quá tải trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý (B-BGT-015721-TT)**

**Đôi tên TTHC là “Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.
- Phòng Giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt và trình ký cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ bản chính;
- Giấy đăng ký hoặc Giấy đăng ký tạm thời (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định lần gần nhất của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe được nhà sản xuất gửi kèm theo (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quy định: Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lưu hành.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp Giấy phép: 30.000đ/ lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai HC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ, ngày 13 tháng 11 năm 2008

- Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ”.

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu “Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG,  
XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG,  
SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ..... (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe) .....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

**PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN**

- Loại xe: .....

- Nhãn hiệu xe: .....Biển số đăng ký: .....

- Nhân hiệu sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc): .....
- Biển số đăng ký của sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc): .....
- Kích thước bao của xe kể cả sơ mi rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: .....(m)
- Kích thước bao của rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: ..... (m)
- Tải trọng thiết kế của xe (hoặc xe kéo sơ mi rơ moóc): ..... (tấn)
- Tải trọng thiết kế của rơ moóc: ..... (tấn)
- Trọng lượng bản thân xe: ..... (tấn) Trọng lượng bản thân sơ mi rơ moóc (rơ moóc): .....(tấn)
- Số trục của xe: ..... Số trục sau của xe: ..... Số trục của sơ mi rơ moóc: .....
- Số trục của rơ moóc: ..... Số trục sau của rơ moóc: .....

### HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

- Loại hàng: .....
- Trọng lượng hàng xin chở: .....
- Chiều rộng toàn bộ xe khi xếp hàng: .....(m) Hàng vượt hai bên thùng xe: .....(m)
- Chiều dài toàn bộ xe khi xếp hàng: .....(m) Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng: ..... (m)
- Hàng vượt phía trước thùng xe: .....(m) Hàng vượt phía sau thùng xe: ..... (m)

### TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng): .....
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ .....đến .....

*(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)*

... , ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị

ký tên, đóng dấu

## **8. Cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt (B-BGT-009652-TT)**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
- Vụ Kết cấu Hạ tầng và An toàn giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt và trình ký cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (bản chính);
- Giấy đăng ký hoặc Giấy đăng ký tạm thời (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định lần gần nhất của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe được nhà sản xuất gửi kèm theo (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Vụ Kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Không

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lưu hành.

### **8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp Giấy phép: 30.000đ/ lần cấp.

### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai HC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ



**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ, ngày 13 tháng 11 năm 2008

- Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ”.

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

## **9. Cấp Giấy phép lưu hành xe cho xe bánh xích tự hành trên đường bộ trong phạm vi cả nước(B-BGT-009680-TT)**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Khu Quản lý đường bộ.
- Phòng Giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt và trình ký cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ trong phạm vi cả nước.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp tại Khu Quản lý đường bộ hoặc gửi qua đường bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (bản chính);
- Giấy đăng ký hoặc Giấy đăng ký tạm thời (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định lần gần nhất của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe được nhà sản xuất gửi kèm theo (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng Giám đốc Khu Quản lý đường bộ
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý Giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lưu hành.

### **8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp Giấy phép: 30.000đ/ lần cấp.

### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ, ngày 13 tháng 11 năm 2008

- Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ”.

- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

## **10. Cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý (B-BGT-015807-TT)**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.
- Phòng Giao thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm duyệt và trình ký cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường địa phương và quốc lộ thuộc địa bàn quản lý.

### **2. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (bản chính);
- Giấy đăng ký hoặc Giấy đăng ký tạm thời (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định lần gần nhất của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe được nhà sản xuất gửi kèm theo (bản sao hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp là bản sao phải đem theo bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);
- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

### **4. Thời hạn giải quyết:**

Không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quy định: Giám đốc Sở Giao thông vận tải
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lưu hành.

### **8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp Giấy phép: 30.000đ/ lần cấp.

### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai HC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

## **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ, ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ”.
- Thông tư số 76/2004/TT - BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu “Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH**  
**XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ..... (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành) .....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .....

Biển số đăng ký (nếu có): .....

- Trọng lượng bản thân xe: ..... (tấn)

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: ..... (m)

+ Chiều rộng: ..... (m)

+ Chiều cao: ..... (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): .....

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ..... (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ..... (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng): .....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .....

*(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)*

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị

ký tên, đóng dấu